

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất
bổ sung trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 1219/TTr-UBND ngày 06/6/2019 của UBND tỉnh về việc đề nghị thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Gia Lai như đề nghị của UBND tỉnh với 281,59 ha để thực hiện 35 công trình, dự án; cụ thể như sau:

1. Số lượng công trình, dự án và dự kiến kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng:

a) Huyện Chư Păh: 01 công trình, dự án với diện tích 15,00 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 6.000.000.000 đồng (ngân sách huyện).

b) Huyện Ia Pa: 04 công trình, dự án với diện tích 13,38 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 6.846.590.000 đồng (ngân sách huyện).

c) Huyện Chư Prông: 02 công trình, dự án với diện tích 1,41 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 8.300.000.000 đồng (ngân sách huyện).

d) Huyện Chư Puh: 02 công trình, dự án với diện tích 151,00 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 29.100.000.000 đồng (ngân sách tỉnh và nguồn vốn khác).

đ) Huyện Kông Chro: 05 công trình, dự án với diện tích 3,46 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 2.029.112.000 đồng (ngân sách tỉnh và ngân sách huyện).

e) Thị xã Ayun Pa: 01 công trình, dự án với diện tích 1,32 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 13.000.000.000 đồng (ngân sách Trung ương).

f) Huyện Mang Yang: 01 công trình, dự án với diện tích 7,40 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 132.405.000 đồng (ngân sách huyện).

g) Huyện Kbang: 06 công trình, dự án với diện tích 54,61 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 9.780.000.000 đồng (ngân sách huyện, Trung ương và nguồn vốn khác).

h) Huyện Đak Đoa: 07 công trình, dự án với diện tích 19,41 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 24.030.000.000 đồng (ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

i) Huyện Ia Grai: 01 công trình, dự án với diện tích 0,53 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 88.011.720 đồng (ngân sách huyện).

k) Thành phố Pleiku: 01 công trình, dự án với diện tích 2,81 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 42.000.000.000 đồng (nguồn vốn khác).

l) Thị xã An Khê: 01 công trình, dự án với diện tích 0,76 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 535.969.000 đồng (ngân sách thị xã).

m) Huyện Chư Sê: 03 công trình, dự án với diện tích 10,50 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 591.486.150 đồng (ngân sách huyện).

2. Tổng kinh phí dự kiến và nguồn vốn thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng: 142.433.573.870 đồng. Trong đó:

a) Ngân sách tỉnh: 30.549.112.000 đồng.

b) Ngân sách huyện: 32.124.461.870 đồng.

c) Nguồn vốn khác: 79.760.000.000 đồng.

(Có danh mục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao UBND tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Gia Lai Khóa XI, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *7/8*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban TVQH;
- VPQH; VPCP;
- Bộ Tài nguyên - Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Dương Văn Trang



DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN MÀ PHẢI THU HỒI ĐẠT THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT DẠI NĂM 2013
PHÁT SINH TRONG NĂM 2019
(Kèm theo Nghị quyết số: 16/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh Gia Lai)

STT	Tên công trình dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Cơ sở thực hiện	Dự kiến số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (đồng)			
						Tổng cộng	Nghân sách tỉnh	Nghân sách huyện	Nghân sách khác
I. Huyện Chư Păh									
1	Dải đất nước chuyên dùng kết hợp du lịch sinh thái	Thị trấn Phú Hòa	15,00	Dải trồng lúa và dải trồng cây hàng năm khác	Tờ trình số 41/TT-UBND ngày 09/5/2019 của UBND huyện Chư Păh	6,000,000,000		6,000,000,000	
II. Huyện Ia Pa									
1	Làng kiểu mẫu nông thôn mới thôn Bìlôm	Xã Kim Tân	5,00	Dải trồng lúa, dải trồng cây hàng năm khác và dải trồng cây lâu năm	Chỉ thị số 12-CT/TTU ngày 13/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai	6,846,590,000		6,846,590,000	
2	Làng kiểu mẫu nông thôn mới Bôn Jư	Xã Ia Broai	5,00	Dải trồng cây hàng năm khác	Chỉ thị số 12-CT/TTU ngày 13/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai			3,458,268,000	
3	Làng nông thôn mới thôn Bì Đa	Xã Pờ Tô	3,00	Dải trồng cây hàng năm khác	Chỉ thị số 12-CT/TTU ngày 13/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai			1,591,670,000	
4	Đường Hùng Vương (Chinh trang đỏ thị khu trung tâm huyện)	Xã Kim Tân	0,38	Dải trồng cây lâu năm	Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND huyện Ia Pa			1,564,002,000	
III. Huyện Chư Prông									
1	Công viên cây xanh ven hồ thị trấn	Thị trấn Chư Prông	1,30	Dải ở tại đô thị và dải nông nghiệp	Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND huyện Chư Prông	8,300,000,000		232,650,000	
2	Đường vào chợ thị trấn	Thị trấn Chư Prông	0,11	Dải ở tại đô thị và dải nông nghiệp	Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND huyện Chư Prông			7,000,000,000	
IV. Huyện Chư Pưh									
1	Hệ thống thủy lợi Hồ chứa nước Plei Tho Ga	Xã Chư Don	131,00	Dải trồng lúa, dải rừng sản xuất (dải nương rẫy 21,6 ha) và đất nông nghiệp	Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của UBND tỉnh Gia Lai Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của UBND tỉnh Gia Lai	29,100,000,000	29,000,000,000	1,300,000,000	100,000,000
2	Trường bản, thao trường huấn luyện quân sự huyện Chư Pưh	Xã Chư Don	20,00	Dải rừng phòng hộ (dải trồng 16 ha) và dải trồng cây lâu năm (nương rẫy)	Công văn số 1588/UBND-NL ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh Gia Lai				100,000,000
V. Huyện Kông Chro									
1	Cầu Yang Trung	Thị trấn Kông Chro	0,37	Dải ở tại đô thị và dải xây dựng trụ sở cơ quan	Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Gia Lai	2,029,112,000	1,549,112,000	480,000,000	
2	Đường vào Kho tiền ông Nhạc	Xã Yang Nam	1,10	Dải trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của UBND tỉnh Gia Lai			200,000,000	
3	Đường nhánh nối trục đường từ nền nhà, hồ ông Nhạc với đường chính vào Kho tiền	Xã Yang Nam	0,10	Dải trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của UBND tỉnh Gia Lai			30,000,000	
4	Đường nối bộ khu vực nền nhà, hồ ông Nhạc	Xã Yang Nam	1,50	Dải trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của UBND tỉnh Gia Lai			250,000,000	
5	Đường nối làng Trùng I	Xã Ya Ma	0,39	Dải trồng cây lâu năm	Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Gia Lai				
VI. Thị xã Ayun Pa									
1	Đường quy hoạch bên hông trụ sở UBND phường Cheo Reo (Thông tuyến từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Ngô Quyền)	Phường Cheo Reo	1,32	Dải ở tại đô thị, dải trồng lúa, dải trồng cây hàng năm khác và dải trồng cây lâu năm	Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh Gia Lai	132,405,000		132,405,000	13,000,000,000
VII. Huyện Mang Yang									
1	Đường lên làng Pờ Dầu	Xã Lo Pang	7,40	Dải rừng sản xuất (dải rừng trồng 5,4 ha), dải giao thông	Quyết định số 3906/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 của UBND huyện Mang Yang			132,405,000	
VIII. Huyện K'Bang									
			54,61			9,780,000,000		120,000,000	9,660,000,000
1	Quy hoạch khu dân cư làng Hà Dưng I	Xã Đăk Rong	17,90	Dải trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 1642/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND huyện K'Bang			120,000,000	

(Handwritten signature)



2	Quy hoạch khu dân cư làng Hà Dũng 2	Xã Đắk Rong	8.40	Đất trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 1642/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND huyện K.Bang			
3	Quy hoạch mở rộng khu nhà trồng van hóa Mơ Hra	Xã Kông Long Khong	0.50	Đất trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND huyện K.Bang			250.000.000
4	Thủy lợi Dyang (bổ sung tăng thêm 25.41 ha)	Xã Lơ Ku	25.41	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng phòng hộ (đất rừng tự nhiên 3.41 ha), đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Công văn số 1112/VP-K.TTH ngày 10/4/2019 của Văn phòng UBND tỉnh Gia Lai			9.400.000.000
5	Thủy lợi làng Hà Dũng 1	Xã Đắk Rong	2.38	Đất trồng cây hàng năm khác	Quyết định số 1642/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND huyện K.Bang			
6	Sửa chữa đường dây 110kV An Khê - K.Bang (cung đoạn 90 - 92) SCL năm 2019	Thị trấn K.Bang	0.02	Đất nông nghiệp	Quyết định số 8573/QĐ-CGC ngày 14/9/2018 của Công ty Lưới điện cao thế miền Trung			10.000.000
IX. Huyện Đắk Đoa		7	19.41			24.030.000.000	9.030.000.000	15.000.000.000
1	Quy hoạch đường Đinh Tiên Hoàng	Thị trấn Đắk Đoa	0.01	Đất ở tại đô thị, đất giao thông	Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh Gia Lai		100.000.000	
2	Quy hoạch đường Âu Cơ	Thị trấn Đắk Đoa	0.02	Đất ở tại đô thị, đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh Gia Lai		180.000.000	
3	Quy hoạch hẻm đường Lý Thường Kiệt	Thị trấn Đắk Đoa	0.08	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh Gia Lai		400.000.000	
4	Khu biệt thự nhà ở	Thị trấn Đắk Đoa và xã Tân Bình	10.00	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 4343/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Đắk Đoa			15.000.000.000
5	Đường liên xã Tân Bình, xã Heng, thị trấn Đắk Đoa, xã An Phú	Thị trấn Đắk Đoa và các xã Heng, Tân Bình	6.10	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của UBND tỉnh Gia Lai		8.000.000.000	
6	Bãi rác	Xã A Đok	1.50	Đất trồng cây lâu năm	Thông báo số 17/TB-UBND ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh Gia Lai		210.000.000	
7	Công trình công cộng	Xã A Đok	1.70	Đất trồng cây lâu năm	Thông báo số 17/TB-UBND ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh Gia Lai		240.000.000	
X. Huyện Ia Grai		1	0.53			88.011.720	88.011.720	
1	Đường nối từ đường vào Bãi rác cụm xã phía Tây huyện Ia Grai đến đường Tỉnh lộ 664	Xã Ia Grai	0.53	Đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 47/QĐ-TNMT ngày 16/8/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ia Grai		88.011.720	
XI. Thành phố Pleiku		1	2.81			42.000.000.000		42.000.000.000
1	Chợ đầu mối	Phường Ia Kring	2.81	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất ở tại đô thị, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất giao thông công cộng	Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 của UBND thành phố Pleiku			42.000.000.000
XII. Thị xã An Khê		1	0.76			535.969.000	535.969.000	
1	Nhà văn hóa, sân vận động	Xã Thanh An	0.76	Đất trồng cây hàng năm	Quyết định số 3405/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của UBND thị xã An Khê		535.969.000	
XIII. Huyện Chư Sê		3	10.50			591.486.150	591.486.150	
1	Lô dổi rác xã Bar Maih	Xã Bar Maih	0.21	Đất trồng cây lâu năm (cây cao su)	Quyết định 373/QĐ-CT ngày 29/9/2011 của UBND huyện Chư Sê		51.048.900	
2	Khu dân cư xã Ia Hiốp	Xã Ia Hiốp	8.50	Đất trồng cây lâu năm (cây cao su đất tái canh)	Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 của UBND huyện Chư Sê		329.194.500	
3	Khu dân cư xã Ia Giai	Xã Ia Giai	1.79	Đất trồng cao su kiến thiết cơ bản năm 5	Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND huyện Chư Sê		211.242.750	
Tổng cộng		35	281.59			142.435.573.870	30.549.112.000	79.760.000.000

78